

# ĐẠI TỶ-LÔ-GIÁ-NA THÀNH PHẬT KINH SỚ

## QUYỂN 5

### **Phẩm 2: NHẬP MẠN-ĐỒ-LA CỤ DUYÊN CHÂN NGÔN (Tiếp theo)**

**Kệ chép:** Hành giả trì chân ngôn: Là nói về sự che chở kiến lập trong chi phần của đệ tử, đến đêm thứ sáu, thầy và đệ tử đều tắm gội sạch sẽ, mặc áo mới, giặt, cầm các vật cúng dường, đến chỗ như trước, tạo lập bạch đàn Mạn-đồ-la, phải đúng như pháp gia trì tự thân, đọa tràng và đệ tử, thầy phải phương tiện giữ gìn đệ tử, như Văn dưới khi nhập quán đảnh sẽ nói.

Bấy giờ, A-xà-lê như “thứ lớp pháp tắc cúng dường” tu hành đầy đủ, quán các tôn vị trong Bạch đàn, tương ứng với mật ấn, trì chân ngôn kia. Cù-hê chép: Tay đề lên Trung thai Mạn-đồ-la tụng chân ngôn một biến, cứ như vậy một lần tụng đề một cái, cho đến bảy biến, các vị khác cũng giống như vậy, sau đó vì các đệ tử, thuận theo nói pháp, dẫn dắt khai phát tâm kia, dạy cho kia ba tự quy y, sám hối tội trước, đã sám hối rồi thân tâm thanh tịnh, giống như ngọc sáng, có thể phát tâm chân chánh, cho nên sau mới khiến phát tâm Bồ-đề, đều như trong pháp cúng dường đã nói, sau sẽ trao cho hương xoa, hoa... dạy bảo vận tâm cúng dường chư Tôn, sau đó mới thọ Trì giới ba đời không chướng ngại, đó là thọ giới pháp của Bồ-tát, có hành nghi riêng. Bồ-tát sở dĩ phát tâm nhiếp thọ học xứ phương tiện, đều vì thành tựu trí tuệ thanh tịnh của Như lai, ở trong một niệm hiểu rõ các pháp trong ba đời, không có quái ngại, kia có trụ ở giới này, cho đến khi mới thấy tâm liền rõ đạo, liền có phần thế lực không thể suy nghĩ bàn luận như thế, nhờ giới này tự thân có thể phát sinh Phật tuệ, lại đối với luật nghi Nhị thừa có hạn lượng, nên dùng trí vô chướng ngại trong ba đời để làm tên.

Sau nên trao cho hành dương bảo các đệ tử xỉa răng. Nhân đó quán người ấy là thành khí hay không thành khí, vì thế người được pháp này, cũng là thuận theo tục đế của phương kia, do dùng phương tiện bí mật để làm gia trì. Người Ấn-độ, hễ thỉnh tăng thọ thực cho đến người

đời, trước đều cùng tặng cho họ hành dương chà răng, dùng các thứ hương hoa tô điểm trang nghiêm trao cho, phải biết ngày hôm sau thỉnh họ thọ thực. Vì sao? Vì biết tâm kính mến, sợ họ trước bị bệnh đàm ẩm nhân duyên ăn thức ăn cách đêm. Nếu kia thọ nhận sự cúng dường của ta, hoặc khiến cho phát động không an, cho nên trước đem thiện ý muốn giúp đỡ mà cảnh báo, khiến họ trước tắm gội thân thể, hoặc uống ha-lê-lặc... thì sáng hôm sau tùy ý ăn uống, không gì xúc phạm thân tâm an vui.

Nay A-xà-lê cũng giống như vậy, khi trao cho đệ tử hành dương chà răng thì phải nhờ phương tiện này để nói pháp sâu xa, ta mới trao cho người Phật tánh đề-hồ để cứu giúp, không có vị nào hơn, đã dạy ông phát tâm Bồ-đề trừ sạch ba nghiệp làm chướng ngại đời trước, dùng răng trí điều phục trí vô ngại ba đời, cắn các phiến não xong, muốn trở lại đem bí mật này để gia trì, dứt trừ tội lỗi của thân tâm, ông phải thanh tịnh lỗi của miệng, đi đến chỗ nào chớ vọng tuyên truyền, ngày hôm sau sẽ tặng ông cam lồ bất tử, đều khiến đầy đủ, kia phải lấy cây Ưu-đàm Bát-la hoặc cây A-thuyết-tha ngay thẳng tốt đẹp, không lớn không nhỏ cắt dài chừng mười hai ngón tay, tất cả phải đúng pháp lượng, đều dùng tiết lượng của ngón tay cái, nghiêng thì cùng vê lại cho thẳng, đó là đúng số.

Hai cây này, là cây Bồ-đề thời quá khứ của Đức Phật, nếu không có, phải xin cây có mủ, như cây dâu, cóc... Ghi riêng phần trên, phần dưới của cây, đều lấy cành ngọn là phần trên, gốc rễ là phần dưới, dùng nước thơm để rửa, lại dùng cỏ thơm mà xoa, ở phần dưới ngọn kia, dùng chỉ trắng quấn quanh hoa để làm trang nghiêm, cũng làm dấu mốc, khiến trên, dưới dễ nhớ, phải dùng tay đề thì thêm chân ngôn bất động, hoặc trăm biến hoặc ngàn biến, thường khiến trang nghiêm đầy đủ. Đã thọ giới rồi, vị thầy phải dâng một hành dương lên chư tôn, ngoài ra chia cho đệ tử khiến ra ngoài đoàn, xoay về phương Đông hoặc phương Bắc, ngồi xổm (ngồi chồm hóm) mà rửa, rửa rồi, bảo xoay về phía trước mặt để xem xét tướng kia, mà ném cho đúng, nếu cây xả răng hương ra ngoài đó là người không thành Tất-địa, người hương vào thân thì Tất-địa thành tựu.

Nếu ném xa mà lúi lại gần thân thì đó là tướng không bao lâu sẽ thành tựu, nếu đầu đứng thẳng hương lên thì càng mau thành tựu, nếu đầu hương xuống thì người ấy sẽ vào Tu-la, long cung, nếu ném giữa hư không, phải biết người này trước đã thành tựu. Lại hương về phương Đông, phương Bắc là thành tựu trước, hương đến phương Tây là đang

thành tựu, hưởng đến phương Nam là thành tựu sau, tuy như vậy, nếu người trước hết hưởng về phương Đông mà ném, lại chỗ xả rằng là hưởng Đông, tức là mặt sau của thân, cũng không được thành tựu, các việc khác y theo phương này mà biết.

Ngoài ra, như trong Cù-hê nói. Lại phải làm pháp kim cang tuyến (chỉ). Hễ làm dây, trước phải chọn sợi tơ đầy đủ tốt mịn, dùng nước thơm rửa cho thật sạch, bảo đồng nữ trong sạch giúp se lại, se sợi tơ năm màu, phải dùng chân ngôn của năm Đức Như lai, mỗi vị Phật gia trì một màu, sau khi đã thành tựu các việc chân ngôn gia trì, tạo dây Mạn-đà-la cũng giống như vậy. Màu của năm đức: nghĩa là Đức Phật Đại Nhật gia trì màu trắng, Đức Phật Bảo Tràng gia trì màu đỏ, Phật Hoa Khai Phu trì màu vàng, Phật Vô Lượng Thọ trì màu lục, Đức Phật Cổ Âm trì màu đen.

A-xà-lê trước tự lấy dây thắt làm ba gút, làm Kim cang kết, buộc vào tay trái để che chở thân mình, sau vì mỗi đệ tử buộc vào tay, nhiếp thọ đệ tử như vậy, sẽ nhập Mạn-đà-la, lìa các chướng nạn. Pháp kết kim cang kia, không thể nói từ sợi tơ, mà phải từ phía A-xà-lê dung nạp.

Lại nữa, sợi năm màu, tức là ngũ trí Như lai, gia trì năm mầm gốc lành trong tâm Bồ-đề của đệ tử, cũng là năm pháp tín, tấn, niệm, định, tuệ, đem năm pháp này thâm nhiếp tất cả giáo môn, do đó gọi là Tu-đa-la. Xưa dịch là Diên kinh. Nếu A-xà-lê đã thấy chân đế, có khả năng dùng ngũ trí Như lai, gia trì năm thứ gốc lành trong tâm Bồ-đề của đệ tử, thâm nhiếp muôn hạnh buộc giữ ở tay Du-già, khiến trải qua sinh tử thường không hoại mất, hoặc có thể nhiếp thọ đệ tử như vậy, cho đến khéo làm gút kim cương.

A-xà-lê nói: Muốn vào đêm này tác pháp cho đệ tử, thì vật cúng dường nên bớt phân nửa của đêm thứ bảy, lại phải quán xét tâm của kia, khen ngợi “Mật giáo” phát sinh tâm vui mừng vững chắc, và phải phân biệt mười loại “học xứ”, nhưng trí giới ba đời không ngăn ngại này, hễ người nào kết duyên thì đều cho dự nghe. Bốn thứ căn bản kia và Tam-muội-da lại một bài kệ, thì kê tai nói giới, người đầy đủ chi phần quán đánh, thì nên nghe. Hai bài kệ mà kia đã dạy bảo, cũng là A-lợi-sa, có thể tụng bản Phạm đầy đủ rất lợi ích, được nêu bày ở sau đây:

A nễ đã, dữu sáp ma, tỳ la đố la, la bà, lạp đà ma ha, tỳ duệ năng, tát bà nhĩ nại, dụ diên, bà bồ đất, lý ha sắc bà nê đã, tát la nai, bả lý nghi rý hệ đá tát tha, xa da ma tương ma hổ nại da, đế tương dụ dân, ma ha, dạ nê thấp phụ, nhược đá ê bà vĩ tỳ đã tha.

Ý kệ nói: Từ nay về sau ông đạt được lợi ích vô đẳng (không gì

sánh bằng) địa vị ngang bằng đại ngã. Đại ngã: nghĩa là Như lai thành tựu tám ngã tự tại, đối với pháp được tự tại, và các Ma-ha Tát-đỏa.

Kế là nói tất cả các Như lai và chúng Ma-ha-tát trong giáo này, tất cả đều đã nhiếp thọ ở ông. Giáo này: nghĩa là trong Đại thừa bí giáo này, chúng Bồ-tát, kim cang... trong mười cõi Phật. Sau nói thành tựu đại sự: tức là có thể thành tựu đại sự, và có khả năng thành tựu đại sự nhân duyên, đó là “khai, thị, ngộ, nhập” tri kiến Như lai, vì thế trong kinh ngầm hiểu ý nói: Các ông vào ngày mai được sinh trong Đại thừa, nghĩa là nhập đại bi Mạn-đà-la, được quán đảnh rồi, sinh trong dòng họ của tất cả Như lai.

Lại nữa, lìa duyên, nghiệp sinh được Đại không sinh, nên gọi là sinh Đại thừa. Bấy giờ, A-xà-lê dạy bảo ấn trì như thế xong, trở lại khiến lần lượt ở ngoài Mạn-đà-la ngồi hướng về phương Đông, A-xà-lê lại phải cúng dường, cho đến thành tâm kính thỉnh chư tôn rằng: Con vào ngày mai, vì thương xót đệ tử nên cúng dường chư Thánh tôn, để kiến lập Đại bi thai tạng Mạn-đà-la, tùy khả năng cúng dường, cúi mong từ bi thương nghĩ, vào ngày mai, tất cả đều xuống hội hợp Mạn-đà-la mà làm gia trì. Ý từ quan trọng như đây.

Ngoài ra như trong Cù-hê nói. Kia chí thành thỉnh ba phen rồi, phải nói kệ Kim cang khen ngợi chư tôn, sau đó đứng như pháp sai khiến, lại vì đệ tử nói rộng pháp yếu, dạy phải buộc niệm tư duy, lót cỏ cát tường, ngủ nghỉ mặt hướng về phía Tây, kia (đệ tử) ở trong mộng, nếu thấy được các cảnh giới, sáng sớm đều phải bạch thầy, sẽ biết tướng người tu hành Tát-địa thành hay không. Nếu vị A-xà-lê thấy chân đế này tự mình trụ sâu trong Du-già sẽ thấy rõ căn duyên, gốc ngọn, không có lầm lẫn, nếu không làm sự tướng như thế, và thuận theo thế đế mà làm, tất cả đều không có lỗi, nếu thầy chưa thấy chân đế thì phải cung kính nương theo phép tắc chớ để có lỗi.

**Kinh chép:** Trong mộng thấy trụ xứ của tăng: nghĩa là chỗ thấy thanh tịnh nhiệm mầu, các thứ tốt đẹp tô điểm trang nghiêm, thân vào trong đó nhiều quanh quây lạ, gặp các việc vui, tốt.

Vườn rừng: nghĩa là thấy chỗ tốt đẹp đặc biệt, hoa quả xanh tươi, hoặc tự thân hái lấy, hoặc dẫm lên trên cây với lấy hư không mà đi.

Đường nhà: nghĩa là các thứ phòng đẹp trang sức rực rỡ, ở trong đó thọ dụng tự tại, thân tâm vui vẻ thích hợp.

Lầu quán: nghĩa là lầu cao nhiều tầng hiện rõ, xa thấy Tây phương, thấy các cảnh tốt đẹp, tâm hồn thông suốt trong sáng. Phàm so sánh như thế đều là tốt lành, pháp môn trình bày trong đó, cũng như trong phần

chọn đất đã nói. Nếu trái với đây, như thấy chùa tháp bị đốt phá, loại cỏ rậm mọc hoang thì không phải mộng tốt.

Cờ: nghĩa là ngọn cờ quý báu, rất cao đẹp ngay thẳng hiện ra trước người kia, hoặc dùng cờ chỉ huy dẫn dắt mọi người đều vâng theo mệnh lệnh, như hình tượng xây dựng tâm Bồ-đề phép tắc thành muôn hạnh.

Lọng: nghĩa là đuôi chim Khổng tước năm màu xen lẫn nhau, hoặc nó che mát giữa hư không mà, hoặc người trao cho cầm lấy dạo chơi, đó là hình tượng đại bi che khắp.

Châu Ma-ni, cũng có nghĩa là tròn sáng chiếu khắp, hoặc có công năng sinh ra các vật đem cho mọi người, đó là hình tượng tâm thanh tịnh giác báu bốn nhiếp làm lợi ích cho người.

Dao: nghĩa là ngọc thạch trang sức phải mài đục bỏ bớt chỉ còn thuần túy chất cứng sắc nhọn, hoặc người trao cho, hoặc tự mình giữ lấy, đó là hiện tượng thành tựu tuệ tánh.

Hoa Duyệt ý: nghĩa là các thứ nước, đất sinh hoa, tùy theo tánh loại mà có thượng, trung, hạ, như màu sắc thì lấy sáng đẹp làm trên hết. Vị thì dùng toàn vị ngọt là hơn hết, đều khai phát hình tượng mầm tốt, nên dùng ý phân biệt. Người nữ là hình tượng Tam-muội, người nam là hình tượng trí tuệ, cũng lấy hạng người oai đức khô ngô, mọi người đều thương yêu cung kính.

Mật thân: nghĩa là cha, mẹ...

Bạn lành: nghĩa là bậc Thiện tri thức trao truyền pháp của bậc thượng nhân (hơn người)... hoặc thấy đàn bò cái vị sữa đầy đủ, hoặc thấy người vắt, hoặc tự mình uống, đều là hình tượng đề hồ thượng vị đại bi Mạn-đà-la, hoặc thấy trong kinh sáng sạch không dơ, ngay thẳng trang nghiêm sắc chữ rõ ràng, ghi chép, giảng nói các việc thù thắng thì là tướng tốt.

Nếu kinh sách hư hoại, dơ bẩn chữ nghĩa thiếu mất thì phải biết đó là tướng không tốt. Hoặc thấy các Đức Phật đích thân làm Ma đánh, hiện tiền thọ ký, dùng âm thanh vi diệu mà an ủi, hoặc thấy Thanh văn, Bích-chi-Phật... cho đến trụ giữa hư không thị hiện vô lượng thần biến, đều phải tùy theo việc xét chọn, biết được nhân duyên làm ra. Các quả: nghĩa là diệu quả cao quý ít có ở thế gian, hoặc có người trao cho, hoặc từ trên không rơi xuống... đều là hình tượng Tất-địa, hoặc vượt qua sông, hồ, biển lớn, cho đến mộng thấy trong chốc lát tự uống hết, đều là tốt lành.

Nếu là loại chìm, nổi lênhên đênh không ai cứu giúp, phải biết đó là

không tốt. Hoặc nghe giữa hư không có các âm thanh hay ca ngâm lời pháp, tấu các kỹ nhạc, hoặc xưng dương công đức Tam bảo, tâm đã vui vẻ khi nghe được, hoặc nói lời tốt lành, hoặc kết quả của lời nói phải nên làm vui ý ông. Những thứ như thế đều là mộng tốt, phải y theo loại thượng, trung, hạ mà phân chia từng loại. Giống như chùa viện thì có sự riêng khác về nường vào đất hoặc ở hư không, chỗ kia thấy cũng có nam, nữ, Thánh, phàm khác nhau.

Do đó kinh nói: phải nên phân biệt kỹ, hoặc trái với tướng tốt ở trước; hoặc mộng thấy thân kia bị voi điên đuổi theo nguy cấp sợ hãi, hoặc cỡi lạc đà, lừa, hoặc thấy người đáng ghét, xấu ác, ăn mặc dơ bẩn rách nát, hoặc tự thấy thân nằm dưới bùn lầy dơ bẩn, hoặc các thứ bất tịnh từ hư không rơi xuống, đều là những tướng trái nhau. Nếu là bậc thâm hạnh A-xà-lê thì tự phải ở trong Du-già, đều biết việc trong mộng và nhân duyên làm ra. Khi đệ tử sáng sớm thức dậy bạch thầy, phải tùy theo căn cơ khuyến phát để dứt lưới nghi cho đệ tử. Nếu quán người kia không có đạo lý để thành tựu thì không nên truyền pháp đầy đủ, sợ kia chờ đợi không có kết quả hoặc sinh nghi ngờ chệch bại, hoặc như trong Cù-hê đã nói thì làm Hộ-ma cho họ để vắng lặng tai nạn, được xa lìa các chướng ngại, sau mới gọi vào. Nếu thấy các ảnh giới tốt đẹp, nên dùng lời pháp an ủi cho được hoan hỷ. Cái gọi là nói khéo trụ giới: Tiếng Phạm nói: To phạ la đa là tiếng tôn xưng tốt đẹp của đệ tử, giống như nói hàng Phật tử. Trong kinh nói kệ cũng là “A lợi sa”, tụng cả bản Phạm càng tốt, cũng có đầy đủ ở dưới đây:

Ế sa ma lạt già phạ la la, thất lý ma ha dạ mang ma hộ nại dã năng sấu diên nghiêm di lộc, đố ba phí thiết tha đất tha yết đá tát diêm bộ vô, ma ha noa già tát ma lỗ yết tả chế để da, a tát để, na tát để, vĩ dã, để yết lan đa ma ca xà di phạ trở, để làm nghiêm tỵ lan tát bà, đạt mê tỹ lạp bát ra bán chỉ đơn tát bà ngật rị, da tỵ la đố lan, đất để giả nại phạ dã dã xam, ma thiết la diêm y năng đản nhĩ dạ nang mặt lan thất lệ sắt trá, la tỹ thiết tha nại duệ tát thể đá.

Nửa bài kệ đầu là khen ngợi đạo lý bí mật thừa. Nguyên thù thắng: chính là tất cả trí nguyện. Nếu vào pháp môn Bồ-đề thanh tịnh này thì soi thấy tâm pháp rõ đạo lý, điều này người ta nói là Đại Bồ-đề đạo của Cổ Phật. Đại tâm: nghĩa như trong Ma-ha Tát-đỏa nói ở trước. Các chúng đại tâm trong quá khứ, hiện tại và vị lai, đều nường thừa quý báu này mà thắng đến đạo tràng, vì thế nói đại tâm của Đại thừa. Một bài kệ tiếp theo khen ngợi công đức người tu hành phát tâm Bồ-đề, liền dùng pháp ấn tất định của tất cả Như lai, để thọ ký đại Bồ-đề, do đó

nói người nay chí cầu, sẽ thành tựu tự nhiên trí đại long của Như lai, thế gian kính trọng như tháp.

Tự nhiên trí: đó là trí Như lai tự giác tự chứng là pháp mà xưa chưa nghe chưa biết, tự nhiên hiện ra rõ ràng, không gì ngăn ngại được, vì thế lấy làm tên. Ma-ha na-già là biệt hiệu của Như lai, đem so sánh đại dụng không thể suy nghĩ bàn luận thì không có phương hướng.

Chế-đề: Hán dịch là phước tụ, nghĩa là công đức của tất cả Như lai đều nhóm họp ở trong đó, vì thế cho nên người đời, vì cầu phước nên thấy đều cung kính cúng dường. Nay ông phát tâm Bồ-đề cũng có thể nhiếp thọ vô biên nhóm phước của tất cả Như lai, thế nên người đời, phải cung kính cũng như tưởng nhớ Tháp. Tiếp đến có một bài rưỡi kệ chỉ bày tướng ẩn như thật của tâm Bồ-đề thanh tịnh, tức là mở bày tri kiến Phật khiến cho được thanh tịnh.

Hữu, vô đều vượt qua: tức là từ Trung đạo các duyên sinh khởi không thể suy nghĩ bàn luận, vượt ngoài đoan, thường, phi hữu, phi vô, tất cả tâm lượng đều không đạt đến chỗ đó, do đó gọi là Vô cấu hư không kim cang trí ẩn.

Các pháp sâu xa kín mật: do tâm tánh sâu xa, nên phải biết ấm, nhập, giới cho đến Nhất thiết chủng trí cũng đều rất sâu xa. Vì tất cả pháp không ra ngoài tướng thật của tâm, chỉ có Phật và Phật mới có thể biết được, suy lường, phân biệt mà không thể đạt đến, vì thế nói sâu xa kín mật.

Trí thế gian không thể biết rõ: nói tâm tánh này tất cả người thông minh lợi căn trong thế gian không thể suy nghĩ luận bàn. Dù cho các bậc đại luận sư như Trường Trảo Phạm Chí... dùng các thứ nhân duyên thí dụ, trang nghiêm so sánh đo lường, cuối cùng cũng không rõ cảnh giới kia, hết lòng tư duy tìm cầu chỉ khiến phát cuồng. Chỉ có người sức “tín” bền vững, nương vào phương tiện Bí mật này mới vào được mà thôi.

Không chứa đê: Có chỗ nói người khó có thể hiểu biết, chính tại như thế không có chỗ ẩn giấu, dùng hiểu biết đúng như thật, uẩn A-lại-da vốn không sinh, không có chấp thọ, cũng không chứa đê. Bấy giờ, tất cả vọng tưởng nói rộng của tâm, ý, thức thấy đều thanh tịnh, pháp giới soi sáng như trăng mùa thu giữa bầu trời, cho nên câu sau nói là tất cả vọng tưởng.

Bản Phạm nói xa lìa tất cả vọng tưởng nói rộng. Nay theo trong kệ nói lược, lại ý nghĩa không khác cho nên không có đủ. Câu kế nói nói rộng vốn không, nếu có đủ bản Phạm thì nên nói: nói rộng không nói rộng. Vì tất cả nói rộng, thấy đều từ các duyên sinh ra không có tự

tánh, vì không có tự tánh tức là từ xưa đến nay không sinh, đó là giải thích theo câu trước. Nói: Chính nói rộng này tự không nói rộng. Nay lại hội ý mà nói, vì thế nói vốn không. Sau có hai câu, nói về phương tiện rốt ráo tâm Bồ-đề thanh tịnh này, do vượt qua tất cả vọng nghiệp thì có thể thành tựu trí nghiệp Như lai, Phổ môn dẫn dắt lợi ích, đều là đại sự nhân duyên, vì thế cho nên tất cả việc làm, đều không ai sánh bằng, do đó nói tất cả nghiệp không ai sánh bằng.

Kế là chuyển sang giải thích câu trước, luận chung về đại cương của quyền và thật, do đó nói thường nương vào Nhị đế, cho nên luận chép: Các Đức Phật nói pháp thường nương vào Nhị đế. Nhưng tông của kinh này, làm đầy đủ các phần phương tiện đều tùy theo thế đế, do nhân duyên này đặc tất cả trí ẩn, Nhất thiết trí tức là Chân như. Thế nên, thế đế là nhân chân đế là quả, nhân như bốn vị thầy đều Vô thường, quả như đề hồ thì đó là thường, nói là nương vào nguyện thù thắng ông sẽ trụ ở con đường này, cũng là nói lại ý thọ ký.

Bấy giờ, Chấp Kim Long trụ trong Vô hý luận, bạch Đức Phật rằng, cúi xin Đức Phật giảng nói Trí Giới ba đời không chướng ngại; không có Bồ-tát trụ ở đây, khiến cho các Đức Phật Bồ-tát hoan hỷ: Văn trên chỉ nói Thọ giới ba đời không chướng ngại, nhưng chưa hiển bày tướng, vì thế nên trụ trong Vô hý luận kim cang thừa, khai mở câu hỏi.

Lại nữa, Thế-tôn sở dĩ đợi hỏi mới nói, cũng vì quyền thuộc pháp môn cùng phát minh. Nay tịnh giới này, chính đem trụ Vô hý luận Kim Cang trí ẩn làm thể và sở dĩ đặc biệt thưa hỏi Đức Thế-tôn đây là muốn khiến cho nhân, pháp tương ứng, lưu truyền có gửi gắm.

A-xà-lê lại nói: Giới tướng này cũng là gia trì “Cú”, nếu khi truyền trao, trước phải trì tụng bản Phạm, sau đó mới khéo dùng lời giải thích đầy đủ. Nay trình bày đầy đủ ở dưới đây:

Thất lý cự la bồ đát la đát thắm mặt lan duệ đát ra, cự la bồ đát la ca da pha ngật măng, noa sa mê yết đát la nhĩ ngật sa bố na bà a ngật lý tà tát la ma đạt ma xá ca đá ma giả bà, dã a đát măng bà phạ, bát lý đát dã ngưng bột đà bồ đề tát đá phệ, chờ yết sa ma, di đồ lý sáu hệ a đát ma bà bát lý để dã, nhược để noa phạ tát bồ đát lý diên, bát lý để dã yết đơn phạ để yết đá măng thất giả, phạ đát tốt đồ đát la diên dã nổ đá ca tà phạ ngật măng noa y để, đát ta năm chớ lý hệ, cu la bồ đát la ca tà phạ ngật măng noa tam phạ la tam vật phiếu (lật) đế na, bồ đề tát đát phệ noa bà vĩ đát vật diễm, đát yết Sa ma thê đồ phiếu nẳng ca, tà phạ ngật măng noa san bát lý để dã nhĩ dã thích xoa khát la ha xá cự mạn để, bồ đề đát đỏa, ma ha tát đỏa y để.



Câu đầu nói Phật tử hãy nghe kỹ, tiếng Phạm Cự-la nghĩa là tộc, nghĩa là bộ. Bồ-đát-la nghĩa là người nam. Nếu giải thích theo thế đế thì sinh vào trong bốn họ đều gọi là Đại tộc, do đó gọi là con của giòng họ; Nay được sinh trong nhà Như lai, là giòng họ tốt, cao quý nhất trong các giòng họ, vì thế nói là tộc tánh tử (người sinh trong dòng họ).

A-xà-lê nói: Nên hội ý nói là Phật tử, đối với nghĩa là sai. Kinh chép: Nếu tộc tánh tử trụ ở giới này thì phải đem thân, miệng, ý hợp lại thành một. Giới này tiếng Phạm là Tam-phạ-la, nghĩa là cộng duyên cùng thành giới này, có chỗ nói do tuệ phương tiện... nhóm họp mà thành. Nếu Thi-la thì chỉ nghĩa là thanh tịnh; lại Tam-phạ-la nghĩa là bình đẳng. Phật dạy đem thân, miệng, ý, hợp lại thành một: tức là trụ pháp môn ba bình đẳng. Vì thế được gọi là Giới ba đời không chướng ngại.

Như Đức Phật và Thanh văn lược nói lời răn dạy thì nói ba nghiệp đạo thanh tịnh này là đạo của bậc Đại tiên, từ năm thứ mười hai về sau, giảng nói nghĩa ấy thành các luật nghi, nay Trì Minh ở đây sơ lược nghĩa của Giới cũng giống như vậy. Nếu người tu hành ba nghiệp phương tiện, thấy đều chân chính thuận theo ba bình đẳng xứ, phải biết chính là đầy đủ tất cả luật nghi của các Đức Phật.

Lại nữa, xé rách các lưới vọng tưởng, đó nghĩa là Tam-phạ-la, nghĩa là lưới nói rộng các kiến chấp: Ngang dọc thành nhau, nhiều lớp xen nhau, nay hành giả quán thân nghiệp, khẩu nghiệp tự không có thể riêng, toàn bộ ngọn ngành trở về nguồn gốc chỉ là một tâm, mà tướng thật của tâm này thường là pháp giới bình đẳng, thế nên khi trụ ở giới này, các thứ nghiệp thân, miệng, ý đều đồng một tướng, vô lượng lưới kiến chấp thấy đều trừ sạch, cho nên được gọi là trụ vô hý luận Kim cang ấn.

**Kinh chép:** Không làm tất cả các pháp: Các thứ năm ấn nương vào phiền não, phiền não nương nơi nghiệp, các nghiệp này đều từ thân, miệng, ý sinh ra, như cứ thân, miệng, ý chia làm mười nghiệp Đạo thiện ác, nghiên cứu đầu mối của nó thì vô lượng, vô biên, thế nên hễ đã tu hành ba nghiệp thì có hạnh tiến lên, mất sự tiến lên thì là đảo tưởng (vọng tưởng điên đảo) do đảo tưởng nên có vô lượng tướng sinh ra, vì bị các tướng này ngăn cản nên không được trí vô ngại như Đức Phật; nay hành giả quán sát sâu xa Mười câu duyên sanh, hiểu rõ ba nghiệp rất ráo không sinh, pháp tánh tự như thế thường không lay động, tạo tác, đó gọi là trụ Vô vi giới. Như thế, tịnh giới này còn không phải Như lai tạo tác, huống chi tín ở giới này mà tạo tác các pháp sao?

**Kinh chép:** Thế nào gọi là giới? Có chỗ nói quán sát xả bỏ tự thân, dâng hiến các Đức Phật, Bồ-tát. Vì sao? Nếu xả tự thân thì sẽ xả bỏ ba việc kia, ba việc ấy là thân, miệng, ý sau nói giữ Vô tác giới đầy đủ tuệ phương tiện. Hành giả quán sát thân trong thật tế không thật có tức là giải thoát của Như lai, vì thế cho nên xả bỏ hết thân này, để cúng dường tất cả Như lai, từ đây về sau, trong mọi hành động, có làm việc gì đều vì giải thoát Như lai, không vì bản thân mình, dù các rõ ràng muôn hạnh hoặc trang nghiêm cõi Phật thành thực chúng sinh, pháp tánh tự như vậy không do tạo tác, người tu hành được như thế, gọi là Vô biên nhóm phước, gọi là sông phước không cùng, tùy theo tạo chút ít căn lành, đem hòa vào trong biển pháp giới, cho đến chúng sinh giới cũng không cùng tận.

A-xà-lê nói: Trong bản Phạm có bài kệ nói:

*Nếu có người giải thoát  
Trì pháp giải thoát này  
Cúng dường người giải thoát  
Phước này lớn hơn hết.*

Nếu người tu hành chân ngôn, không hiểu “giới” thanh tịnh như thế thì tuy miệng tụng chân ngôn, thân trì mật ấn, tâm trụ trong bản tôn Tam-muội, tu đầy đủ theo thứ lớp nghi thức cúng dường chư Tôn, cũng vẫn gọi là tạo tác các pháp, chưa xa lìa lưới nhân ngã, làm sao được gọi là Bồ-đề Tát-đỏa ư? Do đó kinh nói tiếp: Thế nên tộc tánh tử, do thọ giới thân, ngữ, ý, được gọi là Bồ-tát. Vì sao? Vì xa lìa thân, ngữ, ý. Đại Bồ-tát nên học như vậy; nên học trong đây, xưa dịch là Thức-xoa Ca-la-ni, giống như giới trong Thiên thứ năm, thâu nhiếp tất cả Tỳ-ni, kiên độ, oai nghi, hành pháp, học giả Đại thừa cũng giống như vậy, phải hành trì giới phương tiện này, khắp vào trong tất cả hạnh chân ngôn. Nếu giới có thiếu sót mà hạnh Bồ-tát được thành tựu thì đó là việc không bao giờ có.

**Kinh chép:** Đến sáng hôm sau, dùng Kim Cang Tát-đỏa gia trì tự thân, vì Thế-tôn Tỳ-lô-giá-na đảnh lễ, chính là ngày mai thọ giới, nghĩa là tối ngày thứ bảy. Khi làm các việc để tạo Mạn-đồ-la, đều phải dùng Kim Cang Tát-đỏa gia trì tự thân, phương tiện trong đây, như phẩm sau ở văn kinh và trong thứ lớp cúng dường có nói. Nếu A-xà-lê đã thấy chân đế thì trụ trong tâm Kim Cang Tát-đỏa, đó là Vô đẳng đẳng Bồ-đề tâm. Do Bí mật đây gia trì, nên các việc đã làm không thể trở ngại, hư hoại, tiếp đến phải vận tâm như trước, làm lễ Đại Nhật Như lai, sau đó trì tụng Chân ngôn Hàng tam thế, gia trì vào bình sạch, đây cũng là

thành tựu các việc Chân ngôn, trước phải lấy bình sạch như pháp múc nước trong sạch, rót lọc đúng pháp, bên trong để năm thứ hạt và năm thứ báu, lại lấy các thứ cây, hoa, quả, nhánh tốt đẹp thơm cắm vào trong đó, các thứ trang nghiêm, dùng các thứ tơ lụa sạch buộc ở cổ, đều phải nương theo pháp thứ lớp cúng dường, loại bỏ các vật dơ, sau đó dùng pháp giới tâm để tự gia trì.

Tóm lược cả Chân Ngôn số biến không có số lượng chắc chắn, phải dùng tự mà đếm, như trong Tô-tất-địa nói. Lại trong đó, tùy theo làm ba bộ Mạn-đề-la, đều dùng bộ tâm hoặc bộ mẫu chân ngôn gia trì; nay trong kinh này, thông dụng Chân ngôn gia trì, biện sự Chân ngôn kia lại gồm cả rộng và lược nên không nói đầy đủ số biến, phải dùng ý để lường, Nếu người quá lớn thì tụng đến một trăm biến, sau đó năm trăm biến, người nhỏ khiến đến một ngàn biến, đã gia trì xong, phải để tại bạch đàn, trước đã quy hoạch ở ngoài cửa đàn, người muốn vào Mạn-đề-la, trước phải dùng nước này mà rảy giúp cho người ấy nghiệp chướng đời trước tiêu sạch, mới được thấy Mạn-đề-la.

Lại trong bình khác điều hòa nước thơm dùng các thứ hương thơm như: Uất-kim, Long não, Chiên-đàn... cũng dùng Chân ngôn gia trì, trao cho khiến uống một ít, đây gọi là Kim Cang thủy. Dùng mật ấn gia trì, vì thế nên tội chướng sâu nặng trong địa ngục tẩy đều trừ hết, trong ngoài đều sạch, có thể làm pháp thí. A-xà-lê nói đây chính là nước thệ nguyện, cũng thuận theo thế đế, giống như pháp tuyên thệ, khiến ở trước tất cả Thánh Chúng, nuốt nước thơm này tâm kia tự thệ, muốn giúp nguyện Đại Bồ-đề không lui sụt.

Lại nữa, dùng giới hương không chướng, với nước tâm trong sạch, như tự môn Hạ, người các cõi khác uống vào chắc chắn đều thành tựu Vô thượng Bồ-đề, tâm kia thanh tịnh như thế, thì sẽ nhập Bí Mật Mạn-đề-la. Bấy giờ, Kim Cang Bí Mật chử dùng kệ hỏi Đức Phật rằng: Nói tạo lập chi phần Mạn-đề-la, trong kệ trước khen ngợi Đức Phật, cúi mong đấng Nhất Thiết Trí, là đấng bậc nhất trong các pháp, nói về thời phần. Thời phần này: tức là từ khi bắt đầu vẽ Mạn-đề-la đến nay, chia ra giới hạn thời phần; kể nói đại chúng ở thời gian nào nhóm họp các điều lành. Nghĩa là tất cả Phổ Môn tùy theo loại thân trong Đại bi thai tạng vào thời gian nào khắp nhóm họp hiện ra trước Đại tràng, gia trì thần lực hiện ra tôn nghiêm. Nếu đệ tử các căn thanh tịnh bén nhạy, phải vượt qua căn cơ sâu xa, có khi vào thời gian này, sẽ đích thân thấy Vô biên Thánh Chúng, như người ngồi trong hội Linh Sơn, đồng thấy các Đức Phật phân thân trong ba lần biến đổi Tịnh độ, không khác nhau.

Phải biết lúc bấy giờ, chính là A-xà-lê Mạn-đồ-la, khi truyền trì lời chân thật, thực hành việc Như lai, do đó nói là ân cần trì Chân ngôn.

Nói kệ này rồi, bấy giờ, Đức Thế-tôn bảo Trì Kim Cang Tuệ rằng: Thường phải ngay trong đêm này, mà làm Mạn-đồ-la. Nghĩa là trong đêm thứ bảy này, khiến pháp sự đều xong, trong đó từ sau khi mặt trời lặn, đến khi mặt trời mọc trở đi, đều gọi là đêm, bắt đầu vào phần đêm thì phải vẽ bản đồ các tôn vị, an trí đầy đủ các vật cúng dường, trước khi mặt trời chưa mọc phải phát khiến cho xong, nếu trái với pháp này thì sinh chướng ngại, cho đến khiến chỗ đã nương ở cũng không được an lành, nhưng trong Bí Mật giải thích, chính lấy đạo cơ hỷ hội làm thời, hoặc đem phương tiện gia trì, rút ngắn trăm kiếp thành một đêm, hoặc kéo dài một đêm thành trăm kiếp, dài ngắn do duyên, không có giới hạn chắc chắn.

Nếu A-xà-lê thiếu hạnh thì phải nương vào pháp tắc đầy đủ, ở trong phần ban ngày, liền phải trụ tính giới hạn, dùng bạch đàn... định sơ về phần đoạn hình vị của chư tôn, đến mặt trời sắp lặn, sắp sẵn trước hương, hoa, đèn, đuốc... đều phải cho xong. Cù-hê chép: Ở một chỗ phương Bắc của Mạn-đồ-la, dùng màu trắng mà vẽ chân ngôn biện sự để dứt trừ các nạn, đặt các vật cúng.

A-xà-lê nói: Nếu không thể trong một đêm mà vẽ đầy đủ các tôn vị thì từ ngày thứ năm thọ trì dứt về sau, dần dần theo thứ lớp mà làm, đối với lý không ngại, lại riêng có ba thứ phương tiện ẩn tự tôn hình, như văn dưới sẽ nói. Kinh nói: A-xà-lê truyền pháp đã biết thời phần thì hiểu khuôn mẫu để tạo lập, đến ngày vào, A-xà-lê và đệ tử trợ giúp đúng như pháp tắm gội xong, mặc áo mới sạch khởi tâm đại bi, đem những vật hiến cúng đến chỗ Mạn-đồ-la, trước phải mỗi thứ đầy đủ pháp gia trì, như trong thứ lớp cúng dường đã nói, sau phải đúng như pháp giữ gìn tự thân, gọi đệ tử sở độ, rải dùm nước thơm điều khiến theo lớp mà ngồi một chỗ, sau đó A-xà-lê đến trước cửa đạo tràng, vận tâm khắp cả, cúi đầu đánh lễ tất cả như Phật trong mười phương, cũng như trên đã nói, sau đó giữ chỉ năm màu, hướng đến Mạn-đồ-la đứng trên ngôi thứ mà đội trên đầu, tiếp theo quán thân mình là Tỳ-lô-giá-na, kinh cho rằng Đại Tỳ-lô-giá-na tự làm gia trì. Vì sao? Vì Đại Nhật Như lai là Đại bi thai tạng A-xà-lê này, vì thế nên nếu khi hành giả làm việc A-xà-lê thì phải dùng tự thân làm Tỳ-lô-giá-na. Nếu khi làm các công việc duyên Mạn-đồ-la thì đem tự thân làm Kim Cang Tát-đỏa, phương tiện gia trì này như văn dưới và trong pháp cúng dường có nói rõ.

Lại nữa, hành giả nên biết tám vị hộ phương, hễ có làm Mạn-đồ-

la thì theo đây mà chuyển, phương Đông Nhân-đà-la thứ lớp tùy chuyển đến, phương Nam Diêm-ma-la, phương Tây Phạ-lỗ-noa, phương Bắc Tỳ-sa-môn, phương Đông Bắc Y-xá-ni, Đông nam là Hộ-ma, Tây nam Niết-lý-đề, Tây bắc là Phạ-sư, phương trên là chư Tôn, thường ở bên phải trời Đế-thích, phương dưới chư Tôn thường ở bên trái Long Tôn. Thượng nghĩa là ở trên hư không, hạ nghĩa là ở dưới mặt đất. Lại vây quanh trong thai tạng, ba lớp giới thành, đều đã làm mốc trước, khiến phương, góc đều nhau, định trước ngôi thứ, muốn khiến ngôi thứ Đại Nhật Như lai, phải ở trung tâm do năm thứ báu nhóm họp, đến khi các tướng của bản đồ này, A-xà-lê trước đến phía Nhân-đà-la đứng như pháp làm lễ, sau ở hỏa phương đứng hướng về phương Bắc, các đệ tử giúp đỡ ở tại Y-xá-ni (phương Bắc), hướng vào giữ gìn Tu-đa-la chắc chắn ở ngoài giới, đệ tử kế đó phải nhiều quanh bên phải đến Niết-lý-đề (góc Tây Nam).

Sư cũng quay vòng bên phải đến phía Tây mà hướng vào giữ gìn (Tu-đa-la). A-xà-lê sau lại nhiều quanh bên phải đến phương Phạ-sư (Tây bắc), đệ tử cũng quay vòng bên phải đến phương Bắc mà đối trì, đệ tử lại nhiều quanh đến Y-xá-ni (Đông bắc), thầy cũng quay vòng bên phải hướng về phía Đông mà đối trì, hễ xong một vòng, đều phải cùng nhau ở giữa hư không ngay thẳng ngang nhau. Đến vòng thứ hai cũng xoay về bên phải như trước, lần lượt gom lại để làm ranh giới phương hướng, sau lại chuyển định bốn duy. A-xà-lê lại phải đi nhiều theo chiều bên phải để đến Niết-lý-đề, đệ tử trước ở Y-xá-ni, quay bên phải cùng hướng vào nhau mà trì, đệ tử sau đó lại đi nhiều theo chiều bên phải đến phương Phạ-sư, thầy liền quay về bên phải đến phương Hộ-ma, đệ tử cũng quay về bên phải, hướng vào nhau giữ gìn, đều khiến phải cùng nhau ở giữa hư không, quyết định ngôi thứ, đệ tử sau lại đi nhiều theo chiều bên phải đến Niết-lý-đề, thầy liền xoay bên phải đến Y-xá-ni, đối lập nhau mà gom lại, đệ tử kế lại đi nhiều theo chiều bên phải đến phương Hộ-ma, thầy liền quay bên phải đến phương Phạ-sư cũng đối lập nhau. A-xà-lê nói: Kia là bốn phương, mười chữ ranh giới phương hướng. Kinh tuy không nói nhưng lý chắc chắn có, cũng phải xoay bên phải đối nhau gom lại mà định. Như thế đã định giới bên ngoài và tướng tám phương xong.

Kế đến phải vào trong, trước định giới bên ngoài trong thai, cũng như trước lần lượt gom lại làm tướng bốn phương, tướng tám phương kia đã định, không phải làm lại, sau đó định lớp giới bên ngoài thứ nhất, tiếp theo định lớp giới bên ngoài thứ hai, cũng giống như phép tắc trong

Thai, lượng rộng hẹp của kia đều phải xoay vần phân nửa, giả sử trong Thai tạng mỗi bề rộng tám thước, lớp thứ nhất phải rộng bốn thước, lớp thứ hai phải rộng hai thước, lớp thứ ba phải rộng một thước, A-xà-lê nói: Gốc pháp như thế, nếu sợ lớn nhỏ cách xa nhau, phải đem ý hòa nhau, đối với lý không lỗi, chia như vậy xong, lại ở mỗi lớp chia làm ba phần.

Một phần gần phía trong hơn hết của kia, là đường người đi khắp cả, do đó nói chỗ Phật tử hành đạo, sau một phần là chỗ an trí các vật cúng dường, tiếp đến một phần ở ngoài là an trí chỗ ngồi của các tôn vị, vì thế hai phần này đều là chỗ an trí ngôi thứ của Thánh, Tiên. Kế tiếp ở ngoài đây lại làm ranh giới vòng tròn, ở trong vị trí hư không, phải vận dụng tâm quán sát tùy theo phương hướng kia, chia ngôi thứ các tôn vị phù hợp với nhau đều thỉnh cúng dường, vì sao? Vì A-xà-lê gặp việc có sự quên lằm, an trí các tôn vị hoặc không đủ khắp cả, các ngài đáng thỉnh mời mà không có ngôi bậc, đều phải vận dụng tâm ở trong đây cúng dường.

Về pháp chia ba phần ngôi thứ này: Trước ở trong giới bên ngoài lớp thứ nhất, tùy ý lấy một phần nhỏ làm ranh giới, lượng rộng hẹp của kia, phải dùng ý mà chia, mới được thông suốt chỗ ngồi, trong ranh giới này, phải chia đều làm ba phần, trước phải quy định chỗ ngồi chư tôn, chia nội giới xong, sau mới chia giới hạn ở giữa để hành đạo cúng dường, lớp thứ nhất như thế đã xong. Kế là lớp thứ hai, cũng từ phải khéo thông đạt ngoài hướng vào trong, dần dần theo thứ lớp mà chia. Kế là lớp thứ ba cũng như văn trên đã nói, từ vốn Đại Nhật Như lai, v.v... trở xuống là ánh sáng, đây là vị của lớp thứ ba, từ rốn trở lên cho đến cổ họng phát ra ánh sáng, là vị của lớp thứ hai, từ cổ họng trở lên cho đến ánh sáng của tướng Đảnh, là vị của lớp thứ nhất. Trong đó thai tạng tức là tám cánh hoa trong tự tâm của Tỳ-lô-giá-na, càng kiến lập đệ tử trong mạn đồ-la Kim cang. Phải khéo thông đạt Chân Ngôn, xấp xỉ với thầy thì có thể cùng giúp đỡ không bị sót, mất, nếu người không được như thế, chỉ nhận rồi liền như pháp quán đảnh, gặp việc chỉ trao, thực hành.

Nếu lại không có người này thì phải đặt cái cọc mà làm, trước ở hỏa phương dưới ngôi thứ của thầy đặt cái cọc, sau ở phương Y-xá-ni cũng đặt cọc để kéo chỉ, lúc ấy thầy trước hết tâm nhớ cái cọc ở hỏa phương này là ngôi thứ của Sư, sau đó từ Y-xá-ni dẫn kéo chỉ đến Niết-lý-đế, các phương khác y theo đây mà làm có thể biết. A-xà-lê lại nói: Muốn cùng kéo chỉ, trước phải chọn lấy đệ tử nào muốn quán đảnh,

trước dùng nước thơm gia trì cho những người cùng làm việc. Đền vị đã vẽ, hãy lấy vật che lại chớ để cho thấy. Phương... có bốn cửa: Nghĩa là mỗi tầng của viện đều đặt bốn cửa, khiến cho bên trong đều nhau, mở hướng Tây một cửa để thông ra vào, các cửa khác lấy chỉ làm ranh giới cắt ngang.

Cù-hê chép: Hễ các phương mở cửa, đều tùy theo phương góc kia rộng hay hẹp, Y theo làm chín phần, lấy một phần làm cửa, tám phần còn lại thì ở hai bên phải trái của cửa đều được bốn phần, chỗ cửa ra vào khiến làm hơi rộng, còn các cửa khác, dùng bột màu trắng vẽ làm cửa đóng.

A-xà-lê nói: Dùng chỉ Kim Cang làm ranh giới cắt ngang xong, giống như Kim Cang không được vượt qua, nếu vượt qua phạm Tam-muội-da. Lại, văn kinh cửa chung ở hướng Tây, nếu có nhân duyên đến các phương khác, đối với lý không có lỗi. Ngoài ra như văn dưới sẽ nói. Thành tâm tha thiết, vận dụng khắp các Thánh chúng Tôn giả: Nghĩa là trước khi vẽ bản đồ phải trụ trong Du-già, quán mỗi mỗi hình sắc, tướng mạo, oai nghi, tánh hoại, tòa ngồi, các ấn của đại chúng hội Mạn-đồ-la này, thấy đều hiện ra đầy đủ rõ ràng, sau đó dùng vô lượng tâm ân cần cung kính, mà vẽ, cho đến lượng lớn nhỏ, thưa dày cũng phải làm cho ổn thỏa tương xứng, cho nên nói tạo các tướng như thế, đều khéo phân biệt. Sen trắng màu nhiệm trong tâm ấy: Đây là bản tâm của chúng sinh, là cớ nêu bí mật pháp màu hoa Phân-đà-ly, đài hoa tám cánh, tròn đầy đều đặn, giống như hình dáng tròn đầy thích đáng, đài hoa sen này là tướng thật trí tuệ tự nhiên, cánh hoa sen là Đại Bi phương tiện, chính là cho tạng này là thể của Đại bi thai tạng Mạn-đồ-la, ba lớp khác của kia là theo đây tự chứng công đức mà lưu xuất ra các Thiện tri thức nhập pháp giới môn. Bốn cách ở phương chính là bốn trí của Như lai, bốn cánh ở góc là bốn hạnh của Như lai, căn cứ vào đây hiện tám thứ Thiện tri thức, mỗi vị giữ Kim Cang tuệ ấn, do đó nói khắp các khe mọc ra các cánh.

Mười sáu pháp như thế, mỗi pháp đều sánh bằng pháp giới, cho đến không có chỗ nào không bằng nhau, dù chỉ một phần nhỏ, cho nên tiêu tướng kia cũng cùng phù hợp sâu sắc, lược nhiếp muôn Đức Như lai, dùng làm mười sáu ngón tay, kéo dài ra thì vô lượng, vô biên, do đó Mạn-đồ-la này, lượng rất nhỏ chừng mười sáu ngón tay, lớn thì không giới hạn. Tua nhị là tất cả Đà-la-ni môn, Tam-muội Môn, sáu Độ, mười tám Không... như đã nói trong kinh Đại Bát-nhã, từ mỗi tua bông sen này dùng thần lực che chớ nên hiện ra một loại quyển thuộc trang

nghiêm trong ba lớp Mạn-đồ-la, đây là pháp bí truyền của Như lai, không thể hiển bày bằng giấy mực, cho nên gói gắm trong đồ tượng để chỉ bày cho người tu hành, nếu người được ý sâu sắc, tự sẽ im lặng hiểu biết.

Từ trong đài hoa này sẽ rõ tướng Đại Nhật Như lai gia trì, nghĩa ấy như trước đã giải thích. Còn lại bí mật bát ấn hạ phẩm và bản đồ sẽ nói. Kế là nội viện ở phương Đông, đứng trên Đại Nhật Như lai, vẽ làm ấn Nhất thiết biến tri thành hình tam giác sắc nhọn hướng xuống dưới toàn màu trắng, có vầng lửa bao quanh, ở trên hoa sen trắng, tức là ấn rất mạnh mẽ của tất cả Như lai trong ba đời mười phương, cũng gọi là tâm ấn các Đức Phật.

Tam giác: nghĩa là hàng phục và trừ chướng, tức là Đức Phật ngồi ở Bồ-đề Đạo Tràng dùng thế lực mạnh mẽ, hàng phục bốn ma được thành chánh giác.

Trắng sáng: Là màu sắc Đại Từ Bi. Như lai có sức sử tử mạnh mẽ, đại tinh tấn, chính là nhân duyên việc này, cho đến phát ra ánh sáng Đại Bi thường trùm khắp pháp giới, do đó nói khắp tất cả.

Kế là Đại Cần Động ở phương Bắc, cho đến ở Bắc duy đặt hư không nhãn, tức là Phật Mẫu Tỳ-lô-giá-na, nghĩa Phật mẫu như trong phẩm Phật Mẫu của kinh Bát-nhã có nói rộng. Vàng thật là thể tướng thật như như; rốt ráo tịnh cú: là tô điểm bên ngoài của giáo Môn kia, cho nên nói lụa trắng dùng làm y phục, khi tất cả lời nói rộng dứt thì tâm mặt trời sáng suốt, không chỗ nào không chiếu, giống như ánh sáng mặt trời, người nhất tâm khéo điềm tĩnh mới có thể thấy. Vì thế ngọn cờ kia, giống như hình tượng Thiên nữ trụ trong Chính thọ.

Kế là Đại Cần Động ở phương Nam cho đến Nam duy làm ấn Chân-đà Ma-ni của các Đức Phật, Bồ-tát, đây là chỗ nhóm họp vô biên hạnh nguyện của tâm Bồ-đề thanh tịnh, thường hay mưa khắp tất cả tài bảo cho thế gian và xuất thế gian. Điều từ tánh tịnh trong đài hoa sen hiện ra vật báu như thế, do đó nói trụ trên sen trắng.

A-xà-lê nói: Đây là chung cho tất cả ấn, cũng có thể đối với các phương hướng đều an trí. Nếu các Đức Phật, Bồ-tát, trong kinh không nói ấn tướng gia trì, cũng cầm hạt ngọc quý vô giá này, đều được. Tóm lược cả lớp thứ nhất này, phương trên là thân Phật các đức trang nghiêm, phương dưới là Phật Trì Minh sứ giả, đều gọi là Bộ Môn Như lai, hướng phải là Như lai Đại Bi Tam-muội, có công năng nuôi lớn muôn việc lành nên gọi là Liên Hoa Bộ, hướng trái là lực dụng Đại Bi của Như lai, có công năng phá trừ ba chướng, do đó gọi là Kim Cang



Bộ.

Vì thế cho nên nhập tự môn A tất cả các pháp không sinh, đó nghĩa là Pháp thân, nhập tự môn A tất cả các pháp không nhiễm trước, nghĩa là hoa sen, nhập tự môn phạ tất cả các pháp lia ngôn thuyết, đó nghĩa là Kim Cang, như trong phẩm Tự Luân ở dưới, dùng ba chữ này thu nhiếp tất cả Bách Minh, là ý ở đây. Kinh chép: Bên phải Đại Nhật đặt Đại Tịnh tấn Quán thế tự tại, tức là Bộ chủ Liên hoa. Nói Như lai quán sát rất ráo Mười câu duyên sanh được thành Liên hoa phổ nhãn này, vì thế gọi là Quán tự tại, căn cứ vào hạnh của Như lai, cho nên gọi là Bồ-tát. Đảnh hiện vô lượng thọ: là nói quả cuối cùng của hạnh này, tức là trí phổ môn phương tiện của Như lai, hình tượng này và thân Bồ-tát, đều hiện ra dung mạo pháp lạc vui vẻ mỉm cười, thân sắc quán tự tại, giống như trăng sáng, hoặc như thương khư (loa bối) tức là vỏ ốc tốt đẹp hơn cả, hoặc như hoa Luân-na, hoa ấy mọc ở phương Tây cũng rất trắng đẹp, tổng quát ba thí dụ này như thế, nói là kia tốt sáng hơn cả và thắm suốt rõ ràng đến bên trong.

Kế là ở bên phải Quán Âm, vẽ Bồ-tát Đa-la, các Bạc Thánh mặt đều hướng về Đại Nhật Thế-tôn. Nay nói bên phải Quán Âm, tức là chỗ ngồi ở phương Tây, những vị khác đều bắt chước theo đây; đây là Tam-muội Quán tự tại, cho nên có hình tượng người nữ.

Đa-la nghĩa là Nhẫn (mắt).

Hoa sen xanh: Nghĩa là trong sạch không dơ bẩn, do phổ nhãn như thế nhiếp thọ chung sinh đã không thời trước, cũng không thời sau, do đó làm hình tượng người nữ trung niên, không quá già, quá trẻ. Xanh là màu hàng phục; trắng là màu Đại Bi, hai màu sắc nhiệm mầu ở trong hai dụng, do đó khiến hai màu hòa hợp, vì nghĩa như vậy cho nên không xanh, không trắng; Tượng kia chấp tay, trong tay cầm hoa sen xanh này, tay và mặt đều hướng về Quán Âm, hình dáng như mỉm cười, khắp thân ánh sáng tròn đầy như màu vàng ròng, mặc y phục màu trắng, đầu có búi tóc làm hình tóc tự nhiên, không giống búi tóc đứng đầu của Đại Nhật. Bên trái Quán Âm đặt Bạc Thánh Tỳ-câu-chi, thân ngài có bốn tay, một tay bên phải mang tràng hạt buông xuống, một tay bắt ấn Thí nguyện; một tay bên trái cầm hoa sen, một tay cầm quân trì. Mặt có ba mắt, như tượng Ma-hê-thủ-la, đầu đội mũ tóc, như hình mũ búi tóc của Tỳ-lô-giá-na, nói Trì: Như nói đất giúp đỡ muôn vật, tức là nghĩa chịu trách nhiệm chuyên chở. Thân ngài trong sáng sạch ánh sáng tràn đầy, trong ánh sáng có đủ ba màu vàng, đỏ, trắng, không hoàn toàn trắng, hoàn toàn đỏ, hoặc vàng, vì thế nói là không chính. Vàng là màu tăng

thêm lợi ích, trắng là màu trừ nạn, đỏ là màu hàng phục, vì trong ánh sáng Tam-muội này gồm đủ ba năng lực, vì thế cho nên dùng làm ngọn cờ.

Tiếp đến, gần bên phải Tỳ-câu-chi vẽ tôn vị Đắc Đại Thế-tôn, như ở đời, vị vua, đại thần, uy quyền thế lực tự gọi là Đại Thế. Núi vị Thánh này, cho đến được giai vị Đại Bi tự tại như thế, cho nên lấy làm tên. Sở dĩ cầm hoa sen chưa nở là vì như đài hoa thật trí Tỳ-lô-giá-na đã thành quả rồi, lại giữ gìn hạt giống như vậy, tan khắp trong nước tâm của tất cả chúng sinh, còn mọc hoa sen chưa nở, dấu vết của tôn vị này giống ở chỗ đó, cũng có thể che chở khắp mầm lành của tất cả chúng sinh, không để hư hoại, niêm niêm lớn thêm, tức là Liên Hoa Bộ Trì Minh Vương.

Tiếp đến ở bên trái Minh Vương, Vẽ Minh phi Da-du-đà-la, Hán dịch là Trì danh xưng giả; thân màu vàng ròng, dùng các anh lạc tô điểm trang nghiêm, như tượng Thiên nữ, tay phải cầm cành hoa tươi đẹp màu nhiệm, quả lá xen kẽ nhau, cành lớn tươi tốt, hoa kia hoặc mới có nụ, hoặc có cái sắp nở, hoặc có cái đang nở, hoặc năm cái, hoặc mười, cho đến vài chục cái; tay trái cầm Bát dận ngọc, cũng là hoa đẹp nhất ở phương Tây, vì Đắc Đại Thế Minh Vương là chủ an lập hạt giống Bồ-đề của tất cả chúng sinh, lại Minh Phi này là chủ chứa đựng và sinh ra các thứ công đức trong đây, do đó cách phục sức và ngọn cờ của ngài đều cùng tương ứng với nghĩa này, bên phải Đa-la là Đắc-bán-noa-la-phạ-tất-ninh, Hán dịch là Bạch xứ, vì tôn vị này thường ở trong hoa sen trắng, cho nên lấy làm tên, cũng đội mũ tóc tự nhiên, mặc áo hoàn toàn bằng lụa, tay trái cầm hoa sen nở, từ chỗ rất trắng sạch này sinh ra Phổ Nhân, vì thế Tam-muội này gọi là Liên hoa bộ mẫu.

Tiếp theo ở dưới Bồ-tát Quán tự tại, đặt Hà-da-yết-ly-bà, Hán dịch là Mã đầu, thân ngài không vàng không đỏ, như màu mặt trời vừa ló dạng, dùng hoa sen trắng làm anh lạc... trang nghiêm thân, ánh sáng uy nghiêm chói lợi như bươm bướm, móng tay dài nhọn, hai nanh mọc ra chĩa thẳng lên giống như lông cổ sư tử, có bộ dạng gầm thét rất giận dữ, đây là Liên Hoa Bộ phần nộ Trì Minh Vương. Giống như ngựa quý của Chuyển luân vương đi xem xét bốn Châu, đối với bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu tâm đi không dứt, năng lực tinh tấn của các Đại Bồ-tát cũng giống như vậy.

Do đó, được thế lực oai mãnh như thế, ở trong chướng nặng sinh tử không tiếc thân mạng; phần nhiều bị khuấy phục, chính là tâm Đại Bi trong sạch, vì thế dùng sen trắng anh lạc để tự trang nghiêm thân thể,

đã đúng Như Pháp kiến lập các quyển thuộc Quán Âm xong, tiếp theo ở bên trái Như lai Đại Nhật, an trí Kim Cang Bộ Minh Vương, có chỗ nói Chấp Kim Cang có khả năng làm thỏa mãn tất cả nguyện, màu sắc của ngài giống như hoa Bát-dận-ngộ, đó là màu vàng nhạt, hoặc như màu lục quý báu, đó là báu lục mặt yết, giống như hư không hiện sắc, lấy màu sắc pháp giới thanh tịnh hòa hợp với Kim Cang trí thể, do đó thân kia vàng nhạt, trí thân như thể, giống như hư không không thể phá hoại, tất cả mọi người không thể hàng phục, do đó dùng hiển sắc hư không làm cờ nêu.

Ý này nói: Nếu pháp cho đến phần nhỏ giống như cực vi (rất nhỏ) nhưng mà người đắc thì đó là vô thường thay đổi, các hành thuận theo, do đó trí không rốt ráo, ở trong tánh vững chắc là bậc nhất. Mật ấn sở trì, chính là năm bộ phận Kim Cang. Năm trí Như lai đều gồm hai dạng quyền, thật, mà dùng Kim Cang Tuệ Thủ giữ gìn trong đó, cho nên nói bên trái Bạt-chiết-la, Ấn này phải dùng ánh sáng trên búi tóc vây khắp chung quanh, vì thế nói chung quanh có vàng lửa, đầu đội mũ ba ngọn núi báu hình như chữ Sơn, giữa chóp núi như hình trăng non nằm giữa, dùng các thứ tốt đẹp quý báu và tất cả anh lạc trang nghiêm thân. Ý này nói: Bát-nhã ba-la-mật đến trong tâm Quả địa, chuyển gọi Nhất thiết chủng trí, do đó nói đầu đội mũ các báu, do diệu tuệ này rộng trải qua tất cả các pháp, tự tại xoay chuyển sinh ra vô lượng pháp giới trang nghiêm, vì thế nói tô điểm trang nghiêm lẫn nhau, rộng ra số nhiều vô lượng.

Kế là bên phải Kim Cang Bộ Chủ đặt Mang mãng Kê, đó là Kim Cang Bộ Mẫu, cũng cầm chày Kim Cang trí, dùng các anh lạc trang nghiêm thân thể, đây là sinh ra Kim Cang trí lực Tam-muội, có chỗ nói Kim Cang Tam-muội. Kế là bên phải bộ Mẫu đặt Đại Lực Kim Cang Châm, Tố Chi dịch là Kim Cang Châm, cầm một phần Bạt-chiết-la để làm cờ nêu, Bạt-chiết-la này, là tuệ một tướng một duyên cứng nhọn, dùng dây tuệ này sâu suốt các pháp không pháp nào không suốt qua, do đó gọi là Kim Cang Châm, ở dưới vị này có hai sứ giả đều là hình người nữ, quỳ gối ngửa mặt lên mỉm cười, hình dáng kia nhỏ mà đầy đặn, màu sắc vàng nhạt, lấy Kim Cang làm mốc, đó là Tam-muội phá hoại chướng nặng, sau đó ở bên trái Chấp kim Cang đặt Kim Cang Thương-yết-la, Hán dịch là Kim Cang Tỏa, ấn kia giữ gìn nối liền như khóa xích, hai đầu đều làm hình Bạt-chiết-la, dưới Kim Cang Tỏa cũng có hai sứ giả nữ, không khác sứ giả Kim Cang Châm, đem trí ấn này nhiếp trì tất cả chúng sinh ngang bằng khó giáo hóa, khiến không lui sụt Vô thượng

Bồ-đề, vì thế lấy làm tên.

Lại nữa, ở dưới chấp Kim cang đặt phần nộ Trì Minh, hàng phục tất cả những ai làm chướng ngại lớn trong ba đời, hiệu là Nguyệt Yểm Tôn, mặt có ba mắt, bốn răng nanh mọc chĩa ra, như màu mây khi mùa hạ bắt đầu mưa xuống, có dáng vẻ cười lớn, lấy Kim cang báu làm anh lạc, đây là người trì Kim cang, dùng thế lực uy mãnh của vô lượng môn nhiếp hộ chúng sinh sinh trong Tam-muội, vô lượng quyến thuộc tự vây quanh, thấy đều thấp hèn nhưng đầy đủ, có dáng vẻ giận dữ, cho đến một thân có trăm ngàn tay, cầm các thứ binh khí, dựng lên như rừng, nếu người không thể vẽ hết, phải làm một, hai sứ giả cho đến năm hoặc sáu, đều phải trụ trên hoa sen, ý nói trong tâm hoa sen này, pháp như thế thành tựu tất cả năng lực đại tinh tấn mạnh mẽ, không từ chỗ khác đến, đã kiến lập các quyến thuộc Kim cang Tát-đỏa xong.

Sau, đến phương Tây vẽ Trì Minh Sứ Giả của Như lai và các chúng Chấp kim cang, có các hình sắc tánh loại các thứ mật ấn, lá cờ, đều ở trong bản đồ sinh ra, đó là ánh sáng Đại Bi của mỗi tôn vị đều cùng khắp pháp giới, hiện ra thân, miệng, ý mật cũng khắp pháp giới, do đó nói khắp phát ra ánh sáng tròn đầy, vì các chúng sinh. Đối với hạ vị nương theo phương Niết-lý-đề, vẽ Minh Vương Bất Động, sứ giả Như lai có hình đồng tử, bên phải cầm ấn Đại Tuệ lực, bên trái cầm dây lụa, đầu có búi tóc, tóc rũ xuống vai trái, lấp kín mắt trái, xuống đến răng cắn môi trên bên phải, tương kia, môi dưới bên trái hơi lật ra ngoài, ngồi trên tảng đá, thân kia thấp nhưng đầy đặn mập mạp, tỏ vẻ rất giận dữ. Đó là mật ấn và tướng ngọn cờ. Tôn vị này ở đài hoa của Như lai Đại Nhật, thành Phật đã lâu, dùng Bản thệ nguyện Tam-muội-da thị hiện hình tướng mới phát đại tâm nên các tướng không đầy đủ, làm người giúp việc để Như lai sai khiến làm các công việc, do đó cầm mũi nhọn và dây lụa, vâng lệnh giận dữ của Như lai đều muốn sát hại chúng sinh.

Dây lụa là tứ nhiếp phương tiện trong tâm Bồ-đề, do sự trói buộc này không hàng phục được, nên dùng đao tuệ sắc bén, chặt đứt mạng sống nghiệp thọ vô cùng của họ, khiến được sinh khởi Đại không. Nếu hạt giống nghiệp dứt trừ thì lời quen nói rộng cũng đều tiêu trừ, thế nên bịt kín miệng kia, chỉ một mắt thấy, ý nói Như lai dùng các mắt quán sát tất cả chúng sinh không thể rộng rãi sâu xa, cho nên Tôn vị này hễ sự nghiệp đã làm, chỉ vì một việc nhân duyên này; giữ gìn tảng đá chướng ngại kia, không để lay động, trở thành tâm Bồ-đề thanh tịnh núi chúa Diệu cao, đây cũng là thành tựu các việc Chân Ngôn, vì năng lực Đại

tự tại của năm trí Như lai đã rửa trừ phá diệt, thấy đều đến “quả địa” trang nghiêm, chẳng những không có chướng ngại mà còn riêng chứng “Không”, do đó trì ấn Ngũ cổ; đầu đội mũ báu mà ở trong Phong luân, tức trong kinh Pháp Hoa, tất cả việc làm đều vì khai tri kiến Phật, ý khiến được thanh tịnh.

Đã an lập chu Tôn thượng thủ ở Mạn-đồ-la thứ nhất xong. Kế là đến Viện thứ hai vẽ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni. A-xà-lê nói: Trong viện thứ hai này là ấn Mật Ngữ, nếu từ trong đến ngoài thì phải lấy quyển thuộc của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni làm viện thứ ba. Nay thì lấy Tỳ-lô-giá-na và quyển thuộc trong pháp môn làm thứ nhất, quyển thuộc sinh thân Thích-ca Mâu-ni là thứ hai, các Bồ-tát đối với Bi, trí trên cầu Phật đạo dưới hóa độ chúng sinh cho nên làm viện thứ ba. Sở dĩ vẫn giúp nhau như thế vì đây là kho bí mật của Như lai, để ngăn ngừa những người khinh lờn pháp không theo thầy, người thọ làm rối loạn văn kinh, cho nên phải cùng truyền cho nhau bằng miệng.

Trong cửa đầu ở phương Đông, trước đặt tượng Phật Thích-ca Mâu-ni, thân màu vàng ròng, và đầy đủ ánh sáng, ba mươi hai tướng tốt, đắp ca-sa có màu Càn-bà, ngồi trên tòa làm bằng hoa sen để nói pháp, lấy tay trái cầm vạt ca-sa, giống như tượng vua A-dục ngày nay, tay phải dựng đứng các ngón, dùng không thủy luân giữ nhau, đó là cờ nêu của kia. Hoa sen trắng này tức đài tịnh pháp giới tạng trong đây, Thế-tôn vì khiến giáo pháp này truyền bá rộng rãi, nên đem ngọn cờ sinh thân này mà giảng nói, nhưng cùng bản thân pháp giới không hai không khác, vì thế nói ở kia mà nói pháp.

Lại ở phía Bắc Thế-tôn, an trí Phật nhãn, cũng là Phật mẫu, Thích-ca Mâu-ni, Hán dịch là Năng tịch Mẫu. Phải làm cho thế gian ưa thích nhìn thấy thân trang nghiêm không gì sánh bằng, khắp thân đều có ánh sáng tròn đầy, vui vẻ mỉm cười, đây là Như lai, sinh ra Tam-muội tùy loại sinh hình, Tam-muội này chính là lấy Đại Bi phổ Nhãn làm thể, quán sát chúng sinh đáng độ để dẫn dắt làm lợi ích, ánh sáng của mắt từ không chỗ nào không khắp, do đó nói thể ánh sáng thanh tịnh tròn đầy khắp cả.

Kế đến ở phía Bắc của Phật mẫu vẽ tướng ấn sợi lông trắng của Như lai, trụ trong hoa sen có màu thương khư (vỏ ốc) thân đầy ánh sáng, tay cầm hoa sen, như hình dáng mỉm cười, trong có ngọc quý Như ý, đây là do vô biên phước nghiệp mà Như lai nhóm họp mà thành, như Kinh Quán Phật Tam-muội... nói rộng, có thể đầy đủ nguyện của tất cả chúng sinh.

Lại ở phía Nam Đức Phật Thích-ca đặt ngũ đảnh Như lai.

1. Bạch tán Phật đảnh.

2. Thệ-da dịch là Thắng đảnh.

3. Vi-thệ-da, ở đây dùng nhiều tên gọi, dịch là tối thắng đảnh.

4. Đế-thù-la-thí, dịch là hỏa tụ đảnh, kinh nói Chúng đức, dịch đúng phải là Đại phần, đó nghĩa là đầy đủ đức lớn.

5. Vi-cát-la-noa, dịch là Xả trừ đảnh, nghĩa là Xả bỏ tất cả phiền não, cũng là nghĩa phá vỡ, đây là năm trí cao nhất của Như lai Thích-ca, ở trong tất cả công đức, giống như Luân vương có thế lực lớn.

Hình dáng kia đều là thân Chuyển luân Thánh vương. Nghĩa là trên đảnh có hình nhục kế, trên đó lại có búi tóc, tức là búi tóc chồng lên, các tướng mạo khác đều giống như Bồ-tát, khiến rất trang nghiêm hoan hỷ, mặt ấn sở trì như đồ tượng.

Kế là phương Đông, rất gần phương Bắc, sắp bày chúng Ngũ Tịnh Cư:

1. Tự tại Thiên tử.

2. Phổ hoa Thiên tử.

3. Quang man Thiên tử

4. Ý sinh Thiên tử.

5. Danh xưng viển văn Thiên tử.

Phải theo thứ lớp mà sắp bày, ấn tướng kia đầy đủ như trong đồ tượng nói. A-xà-lê nói: Đây là ngũ Na-hàm Thiên tử, quá đây trở lên có chỗ Bồ-tát thọ chức vị Phật, cũng gọi là Tịnh Cư thiên, đa số là Bồ-tát Nhất sinh bổ xứ, đó thuộc về Viện thứ hai.

Không phải chỗ trong đây nói. Cõi trời này ở bên phải hào tướng ở phương Nam, lại vẽ tam Phật đảnh, thứ nhất tên là Quảng Đại Phật đảnh, thứ hai tên là Cực Quảng Đại Phật đảnh, thứ ba tên là Vô biên Âm Thanh Phật đảnh, hình tướng kia đều đồng với ngũ đảnh, là đứng đầu trong các đức ba bộ của Như lai.

Năm thứ đảnh Như lai kia, có năm màu sắc, đó là màu vàng ròng, màu vàng nghệ, màu vàng nhạt, màu trắng tinh và màu trắng đục, trong đó màu vàng ròng và màu vàng nghệ giống nhau, nhưng màu vàng ròng sáng trong, còn màu vàng nghệ sáng trong hơi thắm. Tam Phật đảnh thì có ba màu, đó là màu trắng, màu vàng và màu đỏ, đây là màu sắc gồm đủ Tiêu tai, Tăng ích và Hàng phục; tám Phật đảnh này đều có ánh sáng khắp thân, ánh sáng rất dày rộng, dùng các anh lạc trang nghiêm thân thể, do lực nguyện thệ xưa của Như lai, nên tất cả nguyện đều được đầy đủ.

Góc Đông Nam sắp bày các Chúng Hỏa Thiên trong ngọn lửa (Sơn), cổ và hai cánh tay đều có vẽ ba màu xám, tức là Bà-la-môn dùng ba ngón tay lấy xám, tự xoa vào thân tượng. Tất cả màu đỏ đậm, đương tâm có ấn tam giác, ở trong vòng tròn ngọn lửa, tay trái cầm tràng hạt tay phải cầm bình rửa, đây là một thân phổ Môn, vì dẫn dắt thu nhiếp nhà thờ thần lửa của Vi-đà Phạm Chí, phương tiện khai thi Vi Đà trong pháp Phật, cho nên chỉ bày đàn hỏa Đại tuệ này, ngọn cờ để tịnh tu phạm hạnh.

Sau đó, ở phương Nam bên phải Đại Nhật, vẽ Diêm-ma pháp vương, tay cầm ấn đàn-noa, tướng ấn, giống như hình cây gậy trên có đầu người, có hình dáng rất giần dữ, dùng trâu nước làm tòa, thân màu đen huyền, A-xà-lê nói: Khi nhỏ từng bị bệnh nặng rất mệt mỗi không còn thần thức, đi đến Minh Ty thấy pháp vương này, cùng nói năng với hoàng hậu, dung mạo rất từ nhẫn, nhưng ấn đàn-noa này, dùng hình tướng giần dữ ra sức tìm kiếm chúng sinh đời sau phạm tội, miệng phun ra hỏa quang rất khẩn thiết, và xem xét công nghiệp sau khi xuất gia, như thế im lặng không nói nữa, Diêm-ma vương và Hoàng hậu liền tìm lời lành dần dần khen ngợi, rất ân cần cung kính xin thọ giới quy y, nhân buông bỏ bèn trở lại, đến lúc gần chết, hai tay kia chỗ dây trói giữ còn vết bị thương, đủ tháng mới lành, phía Tây Diêm-ma làm sau khi Diêm-ma và sau khi chết, cũng làm hoàng hậu Diêm-ma.

Phía Đông làm Hắc dạ thần và Thất-ma-đạt-ly, Hán dịch là Thất mẫu, đều là quỷ dữ. Hình kia thấy đều màu đen, tiếp đến ở góc Tây nam vẽ Quỷ vương Niết-ly, hình cầm đao đáng sợ, đó là hộ phương La-sát vương, Phạ-lỗ-noa là phương Tây hộ phương Long vương, cầm dây lụa làm ấn, ở phương Đông phía Nam ngũ đảnh phải vẽ Nhân-đà-la chủ của Thích Thiên, ngồi ở núi Tu-di, Thiên chúng vây quanh, đầu đội mũ báu, thân mang các thứ anh lạc, trì Phạt-chiết-la và các quyển thuộc khác, nghĩa là phu nhân Xá-chi và sáu tầng trời cõi Dục... đầy đủ như trong bản đồ chỉ bày.

Ở phương Nam của quyển thuộc Thích Thiên, đặt chúng Nhật thiên, ở trong xe tám ngựa kéo và hai bà vợ ở hai bên của vị ấy, có chỗ nói Thệ-da-vi. Thệ-da, Hán dịch là hơn hết không có gì hơn nữa. Quyển thuộc thiên nhật sắp bày nắm giữ các ánh sáng mặt trời, Ánh-già ở phương Tây, Du-già ở phương Đông, Bột-đà ở phương Nam, Vật-lạc-tát-bát-đề ở phương Bắc, Một-nhĩ-một-già ở góc Đông nam, La-hầu tại Tây nam, Kiếm-ba ở Tây bắc, Kế-đô ở Đông bắc; lại ở phía Nam của Nam vĩ đặt Niết-già-đa, nghĩa là Thiên Cầu.

Phía Bắc của Bắc vĩ, đặt Ốt-ca-ba-đa nghĩa là lưu hỏa. Phía bắc của quyển thuộc Thích Thiên ở gần trời Tịnh Cư, đặt Đại-phạm-vương, đội mũ búi tóc, ngồi trong xe do bảy con ngỗng kéo, có bốn mặt bốn tay, một tay cầm hoa sen, một tay nắm tràng hạt, trở lên là tay phải; một tay cầm quân trì, một tay nắm Úm tự ấn, trên đây là tay trái, ấn phải hơi cong ngón tay đầu, các ngón khác ngay thẳng, nghiêng tay bắm vào mà làm hình dạng đang nói, đó gọi là người thanh tịnh bất ấn cát Tường, ngoài ra các vị trời Tứ thiên đều sắp đặt bên trái của kia, ngũ Tịnh Cư thiên như Vô nhiệt... đều đặt ở bên phải vị ấy. Tỳ-ni nghĩa là quán sát nghi thức đắp mặc của trời Tịnh Cư mà chế ra mặc ba y cho ngay ngắn, nội y chính là giới. Gần cửa phía Tây đặt chúng địa thần (Các thần đất). Tiếp đến, ở phương Bắc đặt Tát-phạ-cát-phật-để, Hán dịch là trời Diệu-âm-nhạc, hoặc gọi là Biện tài thiên, kể là phương Bắc đặt vợ của vị ấy.

Lại tiếp theo đó đặt Vi-sắt-nữ, xưa dịch là Tỳ-nữ, đây là trời Na-la-diên, và đặt trời Thương-yết-la, đây là Ma-hê-thủ-la, ở trong tất cả cõi có thể lực lớn, không phải chủ của tam thiên đại thiên thế giới. Văn dưới trong kinh lại có Lỗ-nại-la, tức là thân của Thương-yết-la phần nộ, đó là từ việc mà đặt tên.

Lại đặt trời Tác-kiện-na, tức là vị trời Đồng tử, đều đặt vợ của vị ấy ở một bên. A-xà-lê nói: Đây là Thiên chúng phải ở hai bên Thích Phạm Vương thứ tự sắp bày. Trên đỉnh góc Tây Bắc đặt quyển thuộc của trời Hộ phương phong, phía Nam của cửa Tây, đối lại với Nhật thiên đặt Nguyệt Thiên, cõi xe ngỗng trắng, ở hai bên vị ấy đặt hai mươi bảy ngôi sao và mười hai cung thần... lấy đó làm quyển thuộc, sau ở cửa Bắc nên đặt Tỳ-sa-môn Thiên vương, ở hai bên của vị ấy đặt tám đại tướng

Dạ-xoa: Vị thứ nhất tên là Na-ni-bạt-đà-la, Hán dịch là Bảo Hiền. Vị thứ hai tên là Bốt-lỗ-na-bạt-đà-la, Hán dịch là Mãn Hiền, thứ ba tên là Bán-chỉ-ca, xưa dịch là Tán Chi, thứ tư tên là Sa-đa-ký-ly, thứ năm tên là Hê-ma-pha-đa, tức là người ở núi tuyết, thứ sáu tên là Tỳ-sái-ca, thứ bảy tên A-tra-phạ-ca, thứ tám tên là Bán-già-la và Ha-lật-để-mẫu công đức Thiên nữ, văn kinh thiếu. A-xà-lê nói: Công đức Thiên theo Tỳ Sa-môn hiệp ở phương Bắc, nếu bản vị thì cũng có thể đặt ở phương Tây. Các những vị Đại Thiên thần này đều là các bậc Thiện tri thức, chúng sinh ở thế gian đều tùy theo nhân duyên tánh dục, tôn thờ cúng dường.

Tỳ-lô-giá-na vì muốn Phổ Môn thu nhiếp chúng sinh, nên khắp mọi nơi thị hiện đồng với thân của chúng sinh ở nơi đó, tức là lấy cờ nêu thế gian cùng biết, làm lá cờ bí mật của xuất thế gian, giống như hình



tượng Đế-thích an trụ ở núi Chúa diệu cao. Nhân-đà-la Tam-muội của Như lai cũng lại không dời đổi nơi này, khai phát ra tâm Bồ-đề thanh tịnh núi Chúa diệu cao, các pháp môn khác so sánh đều như thế, không thể nói rõ. Nhưng hành giả tùy theo trong mỗi thừa kia, công đức thành tựu tự sẽ hiểu rõ.

Lại dưới tòa Phật Thích-ca Mâu-ni, phải làm phần nộ Trì Minh, bên phải hiệu là Vô Năng Thắng, bên trái hiệu là Vô Năng Thắng Minh Phi, và bạch sắc giữ đao ấn, quán Phật mà ngồi trong đó; nói Thần đất: Chính là Thần đất trong cửa Tây đã nói ở trước, phải ôm giữ bình quý, cung kính quỳ thẳng, trong bình ấy đặt các thứ: nước, đất và các hoa, ngoài ra như đồ tượng nói. Ở lớp thứ hai trong hai chái cung đặt hai vị Long vương, bên phải là Nan-đà, bên trái là Bạt-nan-đà, trên đầu đều có bảy đầu rồng, tay phải cầm đao, tay trái cầm dây lùa, nường mây mà an trụ, đây đều là điểm quan trọng trong Mạn-đồ-la, do đó nói hành giả Chân Ngôn, phải đem tâm không mê hoặc, nường theo thứ lớp mà làm.

**Kinh chép:** Các tôn vị thuộc họ Thích còn lại, chân ngôn và ấn đàn, tất cả pháp đã nói, thầy phải chỉ bày đầy đủ như: Phật, Bát, tích tượng, ấn... trong Thích-ca Bộ, các loại ấy rất nhiều, kinh không nêu đủ, nhưng theo phương này thì chỗ thiếu sót, xét chọn chỗ kinh khác nói liền theo đó để an trụ, dù có thiếu sót cũng không mắc lỗi. Nhưng trong kinh đã nêu ra các Tôn vị Thượng thủ... Chắc chắn mỗi tôn vị phải đứng như pháp mà vẽ, không được sai sót, Chư Tôn ở Kim Cang Bộ, Liên Hoa Bộ tại các phương, cũng so sánh với đây có thể biết. Trong kinh lại nói quyển thuộc Bồ-tát ở viện thứ ba, phải ngay trong cửa phía Đông của Đức Phật Thích-ca, vẽ Văn-thù-sư-lợi, thân màu vàng nghệ, đỉnh (đầu) có năm búi tóc thành hình đồng tử, tay trái cầm Nê-lô-bát-la, đó là cành hoa sen xanh nhỏ, trên hoa có ấn Kim Cang mỉm cười rất vui vẻ, ngồi trên đài hoa sen trắng, đây là cờ nêu bí mật của vị ấy.

A-xà-lê nói: Uất-kim chính là màu vàng sáng dùng để tiêu biểu cho Kim Cang trí tuệ sâu sắc, đầu có năm búi tóc: Là tiêu biểu cho năm trí Như lai thành tựu đã lâu, do bản nguyện nhân duyên, thị hiện làm thân đồng Chân Pháp vương tử. Sen xanh: Là các pháp Tam-muội không đắm nhiễm, do tâm “vô sở trụ” nên liền thấy tướng thật. Kim Cang trí ấn, hay đem ánh sáng thường tịch soi khắp pháp giới. Sở dĩ ngồi sen trắng là ý nói không khác trong thai tạng. Văn-thù ở phương Bắc phải vẽ Đồng tử Bồ-tát ánh sáng như mắt lưới, thân màu vàng ròng, tay cầm lưới báu, dùng các thứ anh lạc để trang nghiêm, ngồi

trong hoa sen báu.

Văn-thù giữ diệu tuệ vô tướng, và lưới ánh sáng giữ muôn đức trang nghiêm, như trong luận Trí Độ đã nói: Dùng muối điều hòa các thức ăn, tăng thêm vị kia chứ không thể ăn lạt, do đó người xuất gia mất “phương tiện Bát-nhã”, riêng tu “Không tuệ” thì rơi vào đoạn diệt, thuần tu phước đức thì rơi vào có sở đắc, vì thế quán trưởng tử của Phật, là ý ở đây. Sau đó, làm năm sứ giả của Văn-thù, vị thứ nhất tên là Kế-thiết-ni, thứ hai tên Ưu-ba-kế Thiết-ni, thứ ba tên Chất-đa-la, thứ tư tên là Địa Tuệ, thứ năm tên là Thỉnh Triệu, thứ lớp sắp bày ở hai bên Văn-thù, vì mỗi vị đều giữ một trí Văn-thù.

Kế-thiết-ni nghĩa là tóc trang nghiêm. Ô-ba là người xấu ác. Văn-thù dùng năm búi tóc biểu trưng cho năm trí, do đó vị Sứ giả này cũng lấy mỹ phát (tóc đẹp) làm tên.

Chất-đa-la nghĩa là Tạp sắc (nhiều màu sắc xen lẫn), dưới năm vị sứ giả kia, đều làm một vị theo thầy tu học, đều hướng đến vị Sứ giả kia, có dáng vẻ như đang vâng thọ lời dạy bảo, đều là Văn-thù Tam-muội, vì thế kinh nói: Hầu hạ bảo vệ bậc Vô thắng trí, đến lớp thứ hai, ở phương trái Đại Nhật Như lai, vẽ Bồ-tát Trừ Cái Chướng. Theo phong tục ở phương Tây, hướng Đông để sửa trị, lấy hướng Đông làm phương bắt đầu, hướng Nam làm phương bên phải, Tây là phương sau, Bắc là phương hơn hẳn, nay đàn Mạn-đồ-la này, cửa ở hướng Tây cho nên Đại Nhật phải ở phương trái. Trong đồ tượng Bồ-tát Trừ Cái Chướng tay trái cầm hoa sen, trên hoa sen đặt ngọc quý Ma-ni, tay phải bắt ấn thí Vô úy.

Bồ-tát này và các quyến thuộc, đều là đại Từ bi nhỏ khổ trừ chướng môn, chính là lấy ngọc quý như ý trong tâm Bồ-đề này, thí cho tất cả chúng sinh không sợ, đầy đủ sở nguyện của họ.

**Kinh chép:** Xả bỏ hai phần vị, nên vẽ tám vị Bồ-tát: nghĩa là bên cạnh Trừ Cái Chướng phải làm hai sứ giả, sau đó như thứ lớp của vị ấy đặt tám Bồ-tát, hễ sắp đặt các quyến thuộc đều khiến vị đầu tiên ở bên phải, vị thứ hai ở bên trái, vị thứ ba ở bên phải, vị thứ tư lại ở bên trái, cứ như thế một vị bên phải, một vị bên trái, theo thứ lớp mà đặt; nay trong tám vị Bồ-tát này trước đem trừ Nghi Quái đặt ở bên phải Trừ Cái Chướng, Thí Nhất Thiết Bồ Úy ở bên trái.

Lại nữa, đặt Trừ Nhất Thiết Ác Thú ở bên phải Trừ Nghi Quái, đặt Cứu Ý Tuệ ở bên trái Thí Vô Úy.

Lại nữa, đặt Bồ-tát Bi Niệm ở bên phải Trừ Ác Thú, đặt Bồ-tát Từ Khởi ở bên trái Cứu Ý Tuệ.

Lại nữa, đặt Trừ Nhất Thiết Nhiệt Não ở bên phải Bi Niệm, Bất Khả Tư Nghì Tuệ ở bên trái Từ Khởi.

Các vị khác sắp bày, đều mô phỏng theo đây.

Lại ở các phương Bắc vẽ Bồ-tát Địa Tạng, đối với các vật báu xen nhau tô điểm trang nghiêm, trên đất, dùng bốn thứ báu: vàng, bạc, Phả-chi, thủy tinh làm tòa hoa sen, cũng khiến rất khéo léo tốt đẹp, Bồ-tát ấy ở trên tòa hoa, ánh sáng chiếu khắp thân ngài như trong Thai Tạng, cho nên nói: Ở trong bào thai ánh sáng, vị Thánh này, chủ trì bảo Vương tâm địa trong tánh khởi vô biên kho báu công đức. Do đó cờ nêu của Ngài, dùng tất cả ngọc lạ và nhiều thứ vật báu tốt đẹp xen kẽ trang nghiêm, Bồ-tát quyền thuộc còn lại của ngài, nghĩa cũng giống nhau. Ở bên phải Địa Tạng đặt Bồ-tát Bảo Xứ, bên trái Địa Tạng đặt Bồ-tát Bảo Chương, tiếp đến, ở bên phải Bảo Xứ đặt Bồ-tát Trì Địa, bên trái Bảo Chương đặt Bồ-tát Bảo Ân Thủ, bên phải Trì Địa lại đặt Bồ-tát Kiên Cố Ý, các Tôn vị Thượng thủ như thế.

Lại ở hai bên mỗi vị đều, vẽ các quyền thuộc tự theo vây quanh. Tiếp đến, ở phương Tây vẽ Bồ-tát Hư Không Tạng, đắp y trắng sáng, ở trong rớt ráo “Không” sinh ra dụng tự tại không thể suy nghĩ bàn luận, không có cùng tận, như trong Kinh Đại Tập Hư Không Tạng có nói rộng, cho nên gọi là Hư không tạng. Pháp môn quyền thuộc trong đây gọi là: Bồ-tát Hư Không Vô Cấu, Bồ-tát Hư Không Tuệ, Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ, Bồ-tát Hạnh Tuệ, Bồ-tát An Tuệ, cũng như trước theo thứ lớp sắp ở hai bên phải trái, do đó đều nói là vân vân. Nói Chư Tôn thượng thủ ở đây, lại mỗi vị có vô biên quyền thuộc, hình tướng các ngài như trong đồ tượng đã nói, phần cuối kệ này nói: Lược nói Đại Bi Tạng, giai vị Mạn-đồ-la xong, hai câu này là để kết thúc ý nghĩa truyền độ người, không phải bản văn trong kinh.

Như trên đã nói: Tâm Bồ-đề làm nhân, Đại Bi làm gốc, phương tiện làm rớt ráo tức là tướng thật đài hoa Đại bi thai tạng của tâm mở bày, dùng Đại Bi phương tiện hiện làm ba thứ phổ Môn quyền thuộc, do nghĩa ấy nên gọi là Đại bi thai tạng Mạn-đồ-la, như ở trong một thế giới khắp hiện sáu đường, thân tùy theo loại, trong tất cả thế giới, cũng giống như vậy, ở trong các chúng đồng phần kia, cũng là thượng thủ, pháp họ đã nói, cũng vì diệu bậc nhất trong các pháp kia, lại do nghĩa này có thể nhiếp thọ khắp vô tận chúng sinh, nên Tỳ-lô-giá-na gọi là vua pháp giới.

Nay các Tôn vị thượng thủ này, đều cùng nhóm họp giữ gìn ấn pháp như vậy, cho nên tất cả đồng loại chúng sinh kia, mỗi vị sinh tâm ít

có nói: Đức Tôn vị của Ta không ai so sánh được, lại cũng ở trong chúng này, phải biết pháp này rất là ít có, do sinh tâm ít có, nên thuận với tất cả pháp giới môn mà gieo trồng gốc lành, cho đến người trong đêm dài sinh khởi gốc chẳng lành muốn phá hoại chánh pháp, đã đến đạo tràng, thấy chỗ tôn thờ Đại Thiên kia, lại trong mong bố thí pháp thực không thể suy nghĩ bàn luận, ác tâm hiền diệt, việc ma dứt trừ, hoặc sinh tâm nhất niệm vui theo, do sinh tâm nhất niệm thanh tịnh, liền có thể ở trong đó khai phát ra Đại bi thai tạng Mạn-đồ-la.

Lại nữa, các thứ pháp môn Mạn-đồ-la này, tuy đồng một pháp giới, nhưng công dụng kia sâu cạn mỗi mỗi có khác nhau, như sự nuôi sống của một khu đất, sự thấm nhuần của một trận mưa, nhưng các cây cỏ thuốc tánh chia ra khác nhau, nếu thầy thuốc xem xét thì biết cỏ thuốc như thế, đối với kia đối trị không hợp bệnh nhưng đối với bệnh nào đó thì thế lực rất có hiệu quả. Như ở trong các Phổ Môn phương tiện này, mỗi phổ môn phân biệt không sai lầm, mới có thể làm A-xà-lê. Mười bài kệ trong Đại Bản, các bậc Thánh ấy, đều tự giảng nói, tự đã thông đạt pháp giới Môn và các pháp phương tiện khác. Nay bản lược này, chỉ nêu lên những pháp chính yếu chung cho phần đông hướng đến Đạo mà thôi. Nếu khi hành giả đúng như pháp tu hành không thiếu phép tắc, mong sự che chở không thể suy nghĩ bàn luận thì tự mình làm ra phương tiện chỉ bày không gì không thông suốt.

A-xà-lê nói: Hễ người tu hành không trụ Du-già thì không phù hợp làm người kiến lập Mạn-đồ-la. Trước khi muốn vẽ, phải dùng tự môn chuyển làm các Tôn vị, tòa ngồi, hình sắc, tánh loại mỗi thứ đều tương ứng, liền quán Đại bi thai tạng như thế, tức là thân ta, mới khởi tay vẽ, A-xà-lê có hạnh sâu như thế, thì bất cứ lúc nào cũng, thường không xa lìa Phật hội như thế; khi vẽ xong làm pháp sự thì đúng như pháp lần lượt khởi Kim Cang Địa, quán Cung điện Bảo Vương này, ở trên đỉnh núi Tu-di, tất cả mỗi mỗi đều trang nghiêm, đều như trong phẩm sau sẽ nói, hiểu rõ như vậy rồi, mới có thể mời thỉnh.

